

PHÂN TÍCH BÀI CÂU CÁ MÙA THU CỦA NGUYỄN KHUYẾN

1. Phân tích bài thơ Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến

Các nhà thơ trung đại ngày xưa thường có thú vui là đi câu, và hoạt động đi câu xuất hiện rất nhiều trong thơ. Không chỉ riêng gì nhà thơ Nguyễn Khuyến viết về bức tranh câu cá, mà rất nhiều nhà thơ khác cũng viết về điều này. Đi câu là một cái thú thanh tao của các bậc trí giả. Có bậc hiền nhân có tài, bắt đắc chí đi câu để chờ thời. Ngồi trên bờ ai mà nghĩ đến chuyện năm châu bốn biển, nghĩ đến thế sự đảo điên. “Cá ăn đứt nợ vênh râu ngồi bờ” (có người còn dùng lưới câu thảng như Khương Tử Nha - Trung Quốc). Có bậc đại nhân vác cần đi câu để hương thú nhàn tản, hòa hợp với thiên nhiên, suy tư trong trạng thái thư giãn. Nguyễn Khuyến đi câu theo kiểu này. Ông đã mở hết các giác quan để cảm nhận mùa thu, cũng là mùa câu của xứ Bắc. Như những đứa trẻ trong xóm, ông câu cá cũng chăm chú, cũng hồi hộp, cũng say mê. Kết quả của cuộc chơi ấy là ông đã được một bài thơ “Thu điếu” vào loại kiệt tác của nền văn học nước nhà:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt.
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Hình ảnh mùa thu trong bài thơ được Nguyễn Khuyến khắc họa làm hiện lên trong bài thơ một không gian hẹp ở chốn làng quê yên bình, thanh tịnh của tác giả, trong một cái ao nhỏ với chiếc thuyền câu nhẹ thênh thênh trên mặt ao sóng lặng:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.

Nguyễn Khuyến đã khéo léo chuyển tải cái tôi của mình qua bài thơ một cách sâu lắng nhất có thể. Cảm giác của thi nhân thì hiện lên sắc sảo và tinh tế. Mùa thu đã vào chiều sâu, “ao thu lạnh lẽo” với mặt nước “trong veo” rất muốn nhìn, ao thu như là chiếc gương tròn của làng quê. Làng Bùi của nhà thơ là đồng chiêm trũng rất nhiều ao, ao nhỏ. Ao nhỏ thì thuyền câu cũng nhỏ theo “bé tẻo teo”, vắn eo là thử vận hiềm hóc, vậy mà câu thơ trôi chảy tự nhiên như không, như không có chút gì là kĩ xảo cả. Thuyền câu đã hiện ra đầy mà người câu đâu chẳng thấy. Cũng chưa thấy cần thấy nợ gì cả. Người đi câu còn mãi mê với trời nước của mùa thu:

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng, trước gió khẽ đưa vèo.

Với nghệ thuật tài tình của Nguyễn Khuyến, nhà thơ đã làm hiện lên một bức tranh với ao thu không còn tĩnh lặng nữa mà đã nổi sóng với hai thanh trắc ở đầu câu (sóng biếc) và hai thanh trắc ở cuối câu (gợn tí). Sóng nhỏ vì ao nhỏ, lại là trong chỗ khuất. Gió nhẹ, gió heo may mùa thu. Sóng lại có màu sắc, “sóng biếc” thật đẹp. Ngòi bút của tác giả tinh tế đến

từng chi tiết nhỏ. Hai câu thực đối rất chỉnh “sóng biếc” đối với “lá vàng”, đều là màu sắc đặc trưng của mùa thu. “Hơi gợn tí” đối với “khẽ đưa vèo”, vận động của chiều dọc tương xứng với vận động của chiều ngang thật tài tình: “Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo”. Nhà thơ đã thả hồn theo chiếc lá vàng “khẽ đưa vèo” trên mặt ao trong veo. Cái màu vàng của mùa thu mà bao nhiêu thi nhân đã ngợi ca:

Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô

(Lưu Trọng Lư)

Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông.

(Bích Khê)

Chiếc lá vàng đặc sắc trong “Thu điếu” của Nguyễn Khuyến đã được chuyển tải dưới ánh mắt nhìn lãng mạn của Xuân Diệu: “Cái thú vị của bài Thu Điếu ở các điệu xanh, xanh ao, xanh bờ, xanh sóng, xanh tre, xanh trời, xanh bèo, có một màu vàng đậm ngang của chiếc lá thu rơi...”. Lời bình của Xuân Diệu thật là tâm đắc. Nhà thơ mở không gian lên chiều cao tạo nên không khí khoáng đạt và không gian được mở rộng nên bức tranh “Thu điếu” thêm đường nét, thêm màu sắc:

Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.

Cái màu xanh của bầu trời xanh ngắt, một màu xanh làm nao nao lòng người. Trong màu “xanh ngắt” có cái thăm thẳm của chiều cao. Mây không trôi mà “lơ lửng” những áng mây trắng “lơ lửng” trên bầu trời “xanh ngắt” thật là thanh bình. Rồi tác giả lại trở về cận cảnh với hình ảnh của làng quê. “Ngõ trúc quanh co”, đường làng quanh co thân thuộc với bóng tre trùm mát rượi. Nhưng bao giờ trong thơ Nguyễn Khuyến tre cũng nói là trúc, “Cần trúc lơ phơ gió hắt hiu” (Thu vịnh), “Ngõ trúc quanh co khách vắng teo”. Nguyễn Khuyến thích cái hình thể loại cây chí khí ấy “Trúc dầu cháy đốt ngay vẫn thẳng”. Những nét trúc thẳng đối lập với những nét quanh co của đường làng thật là gợi cảm. Trời lạnh, đường quê vắng vẻ, “khách vắng teo”. Bức tranh thu đượm buồn. Các thi sĩ thích miêu tả cảnh thu trong tĩnh lặng, đẹp, nhưng buồn. Sau Nguyễn Khuyến, nhà thơ lãng mạn Xuân Diệu cũng viết:

Đã nghe rét mướt luồn trong gió
Đã vắng người sang những chuyến đò

(Đây mùa thu tới)

Kết thúc bài thơ với hình ảnh người đi câu mang nặng nỗi lòng với thời cuộc, với chuyện nước, chuyện dân:

Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Nguyễn Khuyến đã vận dụng tài tình cùng một lúc cả ba chữ “đ” (đâu, đớp, động) nhằm miêu tả một chút xao động trong làn ao và rất nhiều xao động trong lòng của chính tác giả thật là tài tình. Có ý kiến cho rằng cử chỉ đi câu của Nguyễn Khuyến giống với Khương Tử Nha và nhà bình luận đó hết lời ngợi ca cả hai ông. Không! Nguyễn Khuyến đâu có còn chờ thời. Nhà thơ chỉ muốn tan hòa vào thiên nhiên, vào non nước. Toàn bộ hình tượng thơ “Thu điếu” đã sửa soạn cho thái độ này. Khung cảnh hẹp, làn ao nhỏ, chiếc thuyền “bé tẻo teo”. Nhà thơ thu mình lại “tựa gối ôm cần” hòa điệu với thiên nhiên, tan hòa với non nước. Thế thì làm sao thái độ đi câu của Nguyễn Khuyến lại giống với thái độ đi câu của

Khương Tử Nha được? Còn đồng tình với ai đó là chuyện riêng. Tôi đồng tình với Nguyễn Khuyến.

Nguyễn Khuyến có hẳn một chùm thơ viết về mùa thu, có thể nói một trong những bài thơ viết về mùa thu thì bài thơ "Thu điếu" được đánh giá rất cao về mặt nội dung và nghệ thuật, và người ta xem nó là kiệt tác trong nền thơ cổ điển nước nhà. Bức tranh mùa thu được miêu tả bằng những hòa sắc tinh tế, những đường nét gợi cảm. Nhạc điệu cũng độc đáo. Vẫn gieo hiềm hóc mà tự nhiên, hồn nhiên. Theo Xuân Diệu, cả bài thơ không còn lép chữ nào. Thật là một nghệ sĩ cao tay. Cái tình của nhà thơ cũng theo kịp cái tài. Cái tình của nhà thơ đối với quê hương làng cảnh, với non sông đất nước thấm trong mỗi chữ mỗi lời làm xúc động hết thảy mỗi tâm hồn Việt Nam.

2. Cảm nhận của em về bài thơ Câu cá mùa thu

Cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX, tưởng chừng như cùng với sự kết thúc của chế độ xã hội phong kiến suy tàn, lạc hậu, nền văn học Việt Nam trung đại sẽ rơi vào ngõ cụt của sự bế tắc với một phương thức phản ánh đã lỗi thời. Nhưng thật kì lạ là trong sự suy thoái tưởng chừng đã đến đỉnh điểm ấy lại xuất hiện một tài năng thơ ca vào hàng xuất chúng như Nguyễn Khuyến. Ông giống như một dấu cảm thán khẳng định tính cổ điển có sức lay động lòng người của văn học trung đại vào giai đoạn cuối cùng của thời kì văn học dài hàng chục thế kỉ này. Ông để lại cho quê hương, cho đất nước một di sản văn chương phong phú, đồ sộ. Nhưng nói đến nhà thơ Nguyễn Khuyến, người đọc mệnh danh ông là nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam, vì ông đã viết nhiều bài thơ hay về cảnh làng quê. Đặc biệt là chùm thơ thu của ông, trong đó có bài thơ Thu điếu (Câu cá mùa thu).

Cả chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến có ba bài như sau: Thu vịnh, Thu ẩm và Thu điếu. Nhìn chung, bài nào cũng hay, cũng đẹp cho thấy một tình quê dạt dào. Riêng Thu điếu, mà nhà thơ Xuân Diệu đã khẳng định là điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam, là bài thơ tả cảnh ngụ tình đặc sắc: Cảnh mùa thu quê hương, tình yêu thiên nhiên, yêu mùa thu đẹp gắn liền với tình yêu quê hương tha thiết. Bài thơ được viết bằng thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, ngôn ngữ tinh tế, hình tượng là biểu cảm. Cảnh thu, trời thu của làng quê Việt Nam như hiện lên trong dáng vẻ và màu sắc tuyệt vời dưới ngòi bút thần tình của Nguyễn Khuyến.

Hai câu đầu:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo

Hai câu đầu hiện lên hình ảnh nhà thơ đắm say với không gian cảnh sắc trời tươi đẹp của mùa thu, bởi vì nhà thơ đã gọi cái ao đó chính là ao thu. Dường như nhà thơ không để tâm đến chuyện đi câu mà chỉ say đắm với cảnh mùa thu tươi đẹp mà thôi. Với tính chất lạnh lẽo nước trong veo thì đó đúng là ao thu chứ không phải là môi trường thích hợp cho việc câu cá, bên cạnh đó cảm hứng của nhà thơ hoàn toàn đắm chìm trong cảnh sắc mùa thu, một cảnh trong và tĩnh gần như tuyệt đối, nước trong veo, trời xanh ngắt, khách vắng teo, giác quan của nhà thơ cực kì tinh nhạy và phải hết sức chăm chú thì mới nhận ra được những biểu hiện nhỏ nhặt tinh vi chỉ làm tôn thêm cho cái trong và tĩnh của một khung cảnh đầy màu sắc:

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.

Tác giả đã sử dụng màu sắc đặc sắc trong những câu thơ, đầu tiên Nguyễn Khuyến khắc họa bức tranh màu thu bằng màu biếc của sóng, màu biếc này hòa hợp với sắc vàng của

lá vẽ nên bức tranh quê đơn sơ mà lộng lẫy. Nghệ thuật trong phần thực rất điêu luyện, lá vàng với sóng biếc, tốc độ vèo của lá bay tương ứng với mức độ tí của gợn sóng. Nhà thơ Tấn Đà đã hết lời ca ngợi chữ "vèo" trong thơ Nguyễn Khuyến. Ông đã nói một đời thơ của mình may ra mới có được câu thơ vừa ý trong bài Cảm thu, tiễn thu:

Vèo trông lá rụng đầy sân

Đến câu luận:

Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.

Nguyễn Khuyến đã mở ra bức tranh ở không gian, không gian của bức tranh thu dường như được tô thêm bầu trời với một màu xanh ngắt cùng với chiều cao cũng được mở ra, không gian này được kết hợp với những tầng mây lơ lửng trôi theo chiều gió nhẹ. Trong chùm thơ thu, Nguyễn Khuyến nhận diện sắc trời thu là xanh ngắt. Ở Thu vịnh là "Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao", Thu ẩm là "Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt", và Thu điếu là "Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt."

Màu xanh ở đây được tác giả đặc tả, không đơn thuần là một màu xanh bình thường, màu xanh này nó có chiều sâu. Cụ thể là trời thu không mây (xám) mà xanh ngắt, thăm thẳm. Xanh ngắt đã gọi ra cái sâu, cái lắng của không gian, cái nhìn vời vợi của nhà thơ, của ông lão đang câu cá. Thế rồi ông lơ đãng đưa mắt nhìn về bốn phía làng quê. Xóm thôn vắng lặng, tĩnh mịch, con đường quanh co, heo hút, không một bóng người qua lại.

Ngõ trúc quanh co khách vắng teo

Tiếp đến Nguyễn Khuyến đã diễn tả cảnh vật êm đềm, cảnh vật ấy nó man mác nỗi buồn hiu hắt. Người câu cá như đang chìm trong giấc mộng thu. Tất cả cảnh vật, từ mặt nước, "ao thu lạnh lẽo" đến "chiếc thuyền câu bé tí teo", từ "sóng biếc" đến "lá vàng", từ "tầng mây lơ lửng" đến "ngõ trúc"... đều hiện lên với đường nét, màu sắc, âm thanh thoáng chút băng khuâng, man mác, rất gần gũi, thân thiết với mọi người Việt Nam. Biết bao thời gian trôi qua trong không gian của sáng tĩnh mịch ấy, tư thế ngồi câu cá của ông như cũng bất động trong thời gian:

Tựa gối buông cần lâu chẳng được

Cá đâu đớp động dưới chân bèo

Người câu cá có tư thế mỗi mòn vì đợi mãi cá không đớp động nên đã: "Tựa gối buông cần". Hành động này nhằm thể hiện ý nghĩa rằng: Người xưa có kẻ lấy câu cá làm việc đợi thời, đợi người xứng đáng để phò tá. Văn thơ truyền thống lấy việc câu cá để từ chối việc làm quan và coi câu cá là việc câu người, câu quạnh, câu lười. Bài thơ Thu điếu này cũng thể hiện khát vọng câu thanh, câu vắng cho tâm hồn của một nhà thơ có phẩm chất thanh cao. Cái âm thanh cá đớp động gọi lên sự mơ hồ xa vắng, đánh thức tỉnh.

Sở dĩ bài thơ "Câu cá mùa thu" được đánh giá là một trong những bài thơ đặc sắc nhất trong chùm thơ thu của Nguyễn Khuyến bởi vì tác giả đã sử dụng thủ pháp nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc của Nguyễn Khuyến. Cảnh sắc mùa thu quê hương được miêu tả bằng những gam màu đậm nhạt, nét vẽ xa gần tinh tế gợi cảm. Âm thanh của tiếng lá rơi đưa vèo trong làn gió thu, tiếng cá đớp động chân bèo - đó là tiếng thu dân dã, thân thuộc của đồng quê đã khơi gợi trong lòng chúng ta bao hoài niệm đẹp về quê hương đất nước.

Nguyễn Khuyến xứng đáng được mệnh danh là nhà thơ của làng cảnh Việt Nam. Ông đã tái hiện cảnh quê Việt Nam non nước hữu tình. Qua đó, thể hiện thành công thơ là sự cách điệu tâm hồn, Nguyễn Khuyến yêu thiên nhiên mùa thu, yêu cảnh sắc đồng quê với tất cả

tình đồng quê nồng hậu. Đọc Thu điếu, Thu ẩm, Thu vịnh, chúng ta thêm yêu quê hương, thêm yêu xóm thôn, đồng nội, đất nước. Với Nguyễn Khuyến, tả mùa thu, yêu mùa thu đẹp cũng là yêu quê hương đất nước. Nguyễn Khuyến là nhà thơ kiệt xuất đã chiếm một địa vị vẻ vang trong nền thơ ca cổ điển Việt Nam.

3. Bình giảng bài thơ Câu cá mùa thu của Nguyễn Khuyến

Trong thơ mùa thu luôn mang những vẻ đẹp đặc biệt, đó là một mùa thu thú vị, mà trong thơ Nguyễn Khuyến mùa thu mà câu cá lại càng tăng sự thú vị hơn. Hưởng chí, mùa thu lại được ngồi câu cá giữa vùng phong cảnh quen thuộc của quê hương. Niềm thú vị ấy đã trở thành cảm hứng cho một trong những bài thơ hay nhất của Nguyễn Khuyến, chính là bài "Thu điếu".

Nhắc đến Nguyễn Khuyến người ta thường nghĩ ngay đến bài thơ "Thu điếu", đây là bài thơ rất đặc sắc và nổi tiếng từ xưa đến nay. Tuy nhan đề bài thơ là "Câu cá mùa thu" nhưng bài thơ không lấy việc câu cá làm chính mà lấy mùa thu làm chính. Việc câu cá chẳng qua là cái cớ, cái hoàn cảnh, cái chỗ để nói về mùa thu, để thưởng thức mùa thu mà thôi. Mùa thu, nhất là mùa thu ở làng quê, vốn đẹp, nhưng mùa thu, cảnh thu ngắm từ vị trí người câu cá, thưởng thức từ tâm trạng người ngồi câu cá, lại có cái đẹp, cái thú riêng. Cho nên cái khác nhau, cái phong phú riêng của Thu điếu so với Thu ẩm hay Thu vịnh chính là từ đó. Mở đầu theo thông lệ của thơ Đường, Nguyễn Khuyến giới thiệu và hạn định khái quát nơi phát sinh cảm hứng với câu phá đề:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo

Tác giả đã chỉ rõ ra địa điểm nơi mà tác giả đang ngắm là cảnh trời thu của đất nước tươi đẹp. Cụ thể nơi ấy chính là "ao thu". Địa điểm là: ao; thời gian; thu; thời gian không phải một ngày, một buổi nào, mà là cả một mùa: mùa thu. Hai từ "ao" và "thu" không tách rời nhau mà kết thành một ngữ "ao thu", một thứ ao riêng, chỉ đến mùa thu mới xuất hiện, hoặc chỉ đến mùa thu mới có những nét ấy, những vẻ ấy, những tính chất ấy. Trong cảm xúc ban đầu của Nguyễn Khuyến, ao thu được phát hiện nhờ hai tính chất: "lạnh lẽo" và "nước trong veo". Đó là cảm nhận tổng quát khiến cho lòng nhà thơ tràn trề cảm hứng.

Nhưng "lạnh lẽo" đâu phải là tính chất riêng của "ao thu"; sang đông ao còn lạnh lẽo hơn kia mà! Có thể như vậy thật, nhưng ở đây không phải là chuyện lạnh hay không lạnh, lạnh nhiều hay lạnh ít. Ở đây là chuyện cảm xúc. Sau một mùa hạ nóng nực kéo dài, cái lạnh lẽo của mùa thu thật đáng để cảm xúc hơn là một cái lạnh này sang một cái lạnh khác, dầu có lạnh hơn. Vả lại, ngoài cái lạnh, ao thu còn có "nước trong veo". Ao lạnh, nước yên, nước trong đến tận đáy. Trong đến độ "trong veo", tức là đạt đến độ cao nhất của sự trong, từ "veo" với vần "eo" tiếp sau từ "trong" gọi lên một lời cảm thán, một niềm thích thú, một tiếng reo nhỏ kéo dài. Trời phải lặng gió, bầu trời cũng phải thật trong, nước mới có thể "trong veo" như thế. Câu thơ đầu, dầu chưa tả trời, cũng đã cho ta thấy trời. Trước mắt ta, một khoảng không giăng trong sáng và tĩnh lặng vô cùng.

Mở ra với từ "ao", bài thơ của Nguyễn Khuyến thật đã bắt đầu không theo sách vở chút nào. Lẽ ra không phải là ao, mà là hồ như Tây Hồ, Động Đình hồ hoặc bến như bến Tân Hoài, bến Cô Tô, bến Phong Kiều hoặc sông như sông Hoàng Hà, sông Dương Tử chẳng hạn. Các nhà thơ xưa, trước kia cũng thời Nguyễn Khuyến vẫn làm thế mà!. Có làm như thế mới là nhà thơ cổ, nhà thơ có học, nhà thơ cao khiết. Nhưng không, Nguyễn Khuyến đã chọn cái ao làm chỗ xuất phát cho cảm hứng. Ao là một nét thường gặp ở vùng quê nhà thơ, vùng quê Việt Nam. Nói đến ao là động đến một cái gì rất thân quen, rất thân mật, rất bình dị trong cuộc sống dân tộc. Nguyễn Khuyến đã chọn nó, chọn cái ao, vì sao? Vì tâm hồn ông là thế, thân mật, chân thành, bình dị, gắn bó với dân tộc. Thế là với một câu thơ,

Nguyễn Khuyến đã đóng khung cảm xúc của mình với một bức tranh mùa thu trong "Thu điếu" là phong cảnh Việt Nam giản dị mà gợi cảm biết bao:

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo.
Trên cái nền ấy là hình ảnh người câu cá:
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.

Thường thì người đi câu cá không ngồi bệt xuống đất, thường thì người ta sẽ ngồi đường hoàng trên một chiếc thuyền để câu cá. Khi ngồi trên thuyền câu cá, trong trường hợp này, có lợi thế hơn rất nhiều. Ngồi trên bờ thì tầm nhìn bị giới hạn chỉ có một phía; ngồi trên thuyền xa bờ thì có thể thấy nhiều phía hơn, rộng hơn. Nhưng, đưa một chiếc thuyền câu lên mặt ao, tác giả cũng đặt mình trước nguy cơ: sự thiếu cân bằng của bức tranh. Từ "ao" vốn gợi lên một khoảng không gian nhỏ. Chiếc thuyền lại có thể lớn, không khéo thì phá vỡ mất vẻ xinh xắn, bé nhỏ, thanh tú của bức tranh mùa thu trong Thu điếu. Rất tinh tế và tinh tế trong chữ nghĩa, tiếp theo "chiếc thuyền câu", nhà thơ có ngay mấy từ "bé tẻo teo". Không phải "nhỏ" mà là "bé", nghĩa là rất nhỏ trong sự nhỏ, đã bé lại "bé tẻo teo", sự nhỏ càng được thu đến thật nhỏ, nhỏ tưởng có thể cầm lấy được trong tay, nhỏ và xinh xắn, nhẹ nhàng như món đồ chơi. Thế là bức tranh vẫn giữ được sự cân đối hài hòa. Mà bức tranh cũng rất thực nữa: trên mặt cái ao nhỏ của làng quê, nổi lên một chiếc thuyền câu nhỏ, có lẽ đó là một chiếc thuyền nan, thường được gọi là "thuyền thúng" rất phổ biến ở vùng quê miền Bắc, vừa vụng cho một người ngồi. Thật mà cứ như mơ, mơ mà rất thật! Cả không gian như co lại trong cái lạnh mùa thu. Nhờ ngồi trên một chiếc thuyền câu như thế, giữa một cái ao như thế, nhà thơ đã nhận ra nhiều vẻ của mùa thu:

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng màu xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.

Chúng ta sẽ dễ dàng nhận ra hai câu đầu là cảnh ở rất gần, hai câu còn lại cảnh ở rất xa. Nhà thơ đã tiếp tục khắc họa cảnh gần thì có "sóng biếc gợn" và "lá vàng đưa"; sóng biếc gợn thành hình, lá vàng đưa thành tiếng, nhưng cả tiếng và hình đều cực nhỏ, cuối hai câu thơ, nổi lên hai từ đối nhau: "tí", "vèo", một từ nói lên sự cực nhỏ của hình khối, một từ diễn tả sự cực nhỏ của âm thanh. Về tĩnh lặng của mùa thu cứ tăng dần qua từng cấp độ: hơi gợn - tí, khẽ đưa - vèo. Hơn nữa qua âm thanh, người đọc còn nhận dạng được chiếc lá đang đưa: gió nhẹ, mà khiến được lá "sẽ đưa vèo"; chiếc lá ấy phải nhẹ, nhỏ, dài, thon nhọn; chắc không thể là lá gì khác ngoài lá tre, lá trúc. Không gian động mà tĩnh, có âm thanh mà vẫn vô thanh. Cái sóng ấy, cái tiếng lá bay ấy, chỉ như xao động lên, âm vang lên trong cõi lòng nhà thơ, một cõi lòng lạnh lẽo, trong treo, tĩnh lặng như làng quê, như mùa thu ở hai câu luận, cảnh thu như xa hơn một chút, cảnh bên ngoài giới hạn của ao thu, nhưng vẫn được nhìn từ ao thu, phía trên là bầu trời mùa thu, trước mặt là làng xóm mùa thu. Trời thu xanh, xóm làng thì vắng vẻ. Nguyễn Khuyến rất yêu cái màu của trời thu: xanh ngắt. Trong cả ba bài thơ mùa thu của nhà thơ, da trời đều có màu xanh ấy:

Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt

(Thu điếu)

Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao

(Thu vịnh)

Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt

(Thu ẩm)

Nguyễn Khuyến đã đặc tả trời thu bằng một màu xanh ngắt ở vẻ đặc trưng đầy khơi gợi, thơ mộng của mùa thu. Xanh ngắt là màu xanh ở độ tinh khiết tuyệt đối, không hề pha lẫn, không hề chấp nể. Nhưng để nhận ra màu xanh ấy của bầu trời, cảm nhận được vẻ đẹp của nó, bên dưới nói phải có lơ lửng một tầng mây. Tầng mây không phải là để phủ, để che, mà để làm rõ trời xanh ngắt. Nhà thơ Yên Đỗ quả là tinh tế!. Nhìn về làng xóm, mùa thu đến, cảnh vốn đã vắng lại càng vắng thêm ra vì ngõ trúc quanh co. Người đi lại đã ít, nếu có bóng người nào trong ngõ thì cũng bị quanh co ấy che khuất, cho nên cái vắng vẻ ở đây thành ra tuyệt đối "vắng teo".

Cả bốn câu thơ tả cảnh, tuy có dáng, có hình, có màu sắc, có âm thanh. Tất cả đều chỉ như một làn gió nhẹ, một hơi thở nhẹ của mùa thu. Đọc xong cả bốn câu thơ, người đọc hơi thấy lạ: bài thơ về chuyện câu cá mà không dành một câu nào, thậm chí, từ nào nói chuyện câu cá. Ồ! Nhưng mà có đấy thôi, nếu không đang ở vị trí ngồi câu cá, cái tư thế đang ngồi câu cá, làm sao lại cảm nhận được mùa thu, cảnh thu như thế? Hẳn đây chính là chỗ "ý tại ngôn ngoại" của bài thơ này.

Bài thơ cho đến đây, đã hết sáu câu, vẫn chưa thấy xuất hiện con người. Đến hai câu cuối của bài thơ, con người chính là tác giả bài thơ mới xuất hiện. Sự xuất hiện này tạo lên cho bài thơ điều gì bất ngờ không? Bất ngờ thì có bất ngờ, nhưng bức tranh trời nước mùa thu thì không vì thế mà thay đổi. Vẫn cái vắng vẻ, tĩnh lặng ấy, vẫn cái bất động và vô thanh ấy, lần này thì có rút lại thêm một bức nữa:

Tựa gối ôm cần lâu chẳng được.

Tư thế ngồi câu cá của Nguyễn Khuyến thì có thể ngồi suốt cả một ngày, một đêm, cái tư thế hết sức đặc biệt. Tư thế "tựa gối ôm cần" một phần vì tiết thu, giữa "ao thu lạnh lẽo", ngồi "co ro" thế cho bớt lạnh, nhưng một phần còn bởi lòng người câu cá, ngồi như thế để có thể ngồi được lâu, mà trầm tư, mà thường thức, mà hòa cái trong trẻo, cái cô đơn của lòng mình vào cái tĩnh lặng và trong treo của mùa thu. Tưởng chừng người câu cá đã quên mất việc đến đây để ngồi câu cá. Thật ra thì vẫn nhớ đấy chứ, nhớ nên biết là mình ngồi câu đã lâu mà chưa có cá: Lâu chẳng được. Có điều, chờ mà không bán khoãn, không sốt ruột. Mục đích ngồi câu đâu phải để có cá. Hình như người ngồi câu đang chờ một điều gì đó nữa mà chính mình cũng không rõ. Thế rồi:

Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

Những từ ngữ nói về việc cá không đớp động cùng với việc tác giả sử dụng âm hữu thanh đã khiến câu thơ rung động rộn ràng. Cái rung động ấy khế đến nỗi như có mà lại như không. Cá có thể cắn câu mà cũng có thể không. Nhưng cần gì, riêng cái rung động mơ hồ ấy cũng đã đáng quý rồi, cái rung động ấy khiến cả không gian mùa thu như ngừng lắng lại, hồn người cũng ngừng lắng lại. Thật là một câu kết lạ lùng, kết lại mà mở ra, kết lại mà gợi tới bao nhiêu điều liên tưởng.

"Thu điều" của Nguyễn Khuyến được đánh giá là một bài thơ bất hủ. Bởi sự điều luyện của nhà thơ trong việc sử dụng tiếng nói dân tộc, một thứ tiếng Việt uyển chuyển, phong phú, đạt đến mức tuyệt đối trong sáng và tinh tế ư? Vẻ đẹp giản dị, thực sự của mùa thu Việt Nam. Của làng quê Việt Nam ư? Tất cả đều đúng. Nhưng có điều này rất quan trọng: ấy là trong Thu điều, ta nhận ra vẻ đẹp của tâm hồn: trong sáng và bình dị, tinh tế và chân thành, rất gắn bó với những gì thuộc về quê hương và dân tộc. Đọc "Thu điều", ta hiểu và tự hào thêm về làng quê và đất nước Việt Nam, yêu cái tình người đậm đà của con người Việt Nam.

4. Phân tích bài thơ Thu điều để chứng minh: Nguyễn Khuyến là nhà thơ của làng cảnh Việt Nam

Mùa thu của Nguyễn Khuyến hết sức khác lạ, nó khác với những mùa thu khác, đặc biệt là mùa thu trong thơ hiện đại. Trong thơ hiện đại, mùa thu có mùi thơm của hương ổi "phả vào trong gió se" (Hữu Thỉnh), có "gió thổi mùa thu hương cốm mới" (Nguyễn Đình Thi) thì trong thơ trung đại có một mùa thu yên ả nhưng lại phảng phất nỗi buồn. Đó là mùa thu trong thơ Nguyễn Khuyến. Cùng với "Thu vịnh" và "Thu ẩm", "Thu điếu" đã đưa Nguyễn Khuyến trở thành "nhà thơ của làng cảnh Việt Nam" (Xuân Diệu). Mùa thu như một người thiếu nữ dịu dàng, e ấp gõ cửa nhà thơ một cách tự nhiên và thân thuộc nhất. Nguyễn Khuyến cảm nhận mùa thu bằng con mắt thật tinh tế:

"Ao thu lạnh lẽo nước trong veo
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo"

Nguyễn Khuyến đã khắc họa mùa thu với làn gió heo may se se lạnh. Phải chăng vì thế mà tác giả cảm nhận được sự lạnh lẽo của ao thu ở miền quê Bắc Bộ? Ao thu "trong veo" khiến chúng ta dường như nhìn thấu được mình qua làn nước. Trong khung cảnh yên bình đó, chiếc thuyền câu trở thành điểm nhấn cho ao thu. Nhưng điểm chấm phá ấy không đủ sức mạnh để làm thay đổi sự tĩnh lặng vốn có của không gian vì chiếc thuyền câu quá nhỏ bé. Nó "bé tẻo teo", bé đến mức không đáng kể để nhắc tới hay trông thấy. Hai câu thơ mở đầu đã sử dụng vần chân "eo" có tác dụng làm cho bức tranh mùa thu như thu hẹp, nhỏ bé lại. Sẽ thật là thiếu sót nếu nhắc tới ao thu mà không nhắc tới làn sóng và những chú cá trú ngụ dưới mặt nước:

"Sóng biếc theo làn hơi gợn tí
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo".

Ở đây có sự chuyển động của sóng nhưng sóng cũng chỉ "hơi gợn tí", có sự chuyển động của lá nhưng cũng chỉ là "khẽ đưa vèo". Bạn đọc có thể tưởng tượng ra những làn sóng lăn tăn một cách quá đỗi nhẹ nhàng trên mặt ao và những chiếc lá vàng buồn bã vì phải nói lời chào tạm biệt với cành cây để theo làn gió cuốn đi về một nơi chốn khác. Bức tranh mùa thu đã yên tĩnh lại càng trở nên vắng lặng hơn khi không có một sự chuyển động nào đủ khiến cho con người cảm nhận được sự thay đổi một cách rõ rệt nhất. Ở hai câu thơ tiếp theo, nhà thơ đã hướng tầm mắt của mình lên bầu trời cao rộng để đón nhận trời thu:

"Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo"

Nước ao thu được Nguyễn Khuyến khắc họa là những làn nước trong veo, tầng mây trôi nhẹ trên tầng không. Tầng mây ấy nó trôi nhẹ trên không như dùng dằng, tiếc nuối điều gì. Không gian tĩnh mịch lại càng trở nên vắng vẻ hơn khi ngõ trúc đã quanh co lại không có khách qua lại. Cảnh vật yên ả, dịu nhẹ nhưng phảng phất nỗi buồn. Bức tranh thu ở làng quê ấy chỉ có sự xuất hiện của một nhân vật duy nhất. Đó là tác giả - một ông lão đang lặng lẽ buông cần:

"Tựa gối ôm cần lâu chẳng được
Cá đâu đớp động dưới chân bèo"

Việc câu cá cũng cần sự kiên nhẫn, chờ đợi như việc thay đổi thời thế. Phải chăng nhà thơ đang chờ đợi một sự đổi thay của thời thế để những con người có tài đức như ông có thể đóng góp tài năng, sức lực cho đời? Có lẽ cả bài thơ đến đây chúng ta mới nghe thấy được tiếng động rõ rệt nhất. Tiếng "đớp động" của cá dưới ao thu đã làm cho trạng thái cảnh vật chuyển từ tĩnh sang động. Đó là giây phút chợt tỉnh đầy mơ hồ vì có lẽ chủ thể còn đang phân vân tiếng động mình nghe thấy có phải là tiếng cá hay không. Phải ở trong một không gian tĩnh lặng lắm thì tác giả mới có thể nghe được âm thanh ấy. Thủ pháp lấy động tả tĩnh được ông sử dụng vô cùng triệt để. Tiếng cá đớp động dù có nghe thấy nhưng cũng không mang lại sự thay đổi to lớn cho toàn bộ không gian. Ông "tựa gối ôm cần"

nhưng câu cá không phải là mục đích chính. Nguyễn Khuyến mượn hành động câu cá để bộc lộ, gửi gắm những nỗi niềm, tâm tư của mình về thời thế.

Nhan đề bài thơ không phản ánh đúng mục đích của nhà thơ khi sáng tác bài thơ này, mặc dù nhà thơ đã đặt nhan đề bài thơ là "Thu điếu" nhưng mục đích chính của nhà thơ là mượn việc ngồi câu cá để cảm nhận cảnh thu một cách trọn vẹn nhất và đây cũng là cơ hội để ông bộc lộ nỗi lòng mình. Chuyện câu cá thực ra cũng chỉ là cái cớ để tác giả bày tỏ lòng yêu thiên nhiên, yêu mảnh đất Yên Đỗ mà ông đã cáo quan lui về ở ẩn. Trong hoàn cảnh các phong trào yêu nước của nhân dân ta bị dập tắt, chí lớn của ông không thể thực hiện được nên ông đã cáo quan về quê dạy học. Chính tại nơi đây, Nguyễn Khuyến đã mở lòng để đón nhận phong cảnh mùa thu và gửi gắm chút tình thu của mình.

Bài thơ được viết theo thể thất ngôn bát cú Đường luật sử dụng cách gieo vần độc đáo đã thể hiện được một không gian thu tĩnh lặng. Đồng thời bút pháp tả cảnh ngụ tình cũng giúp nhà thơ bộc lộ lòng yêu nước thầm kín. Nguyễn Khuyến quả thực rất xứng đáng khi được mệnh danh là "nhà thơ của làng cảnh Việt Nam" khi ông nhìn nhận mùa thu từ những gì gần gũi, thân thuộc nhất.